

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 91/2020/DS-ST
Ngày 10/9/2020
Về việc “*Kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Mằm.
2. Ông Hoàng Việt Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn - Kiểm sát viên

Ngày 10/9/2020, tại Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2020/TLST-DS ngày 07/01/2020 về việc “*Kiện đòi tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2020/QĐXXST-DS ngày 03/8/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 100/2020/QĐST – DS ngày 21/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thái C

Địa chỉ: 97 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Hiếu N và Trần Thị Mỹ Hồng L

Địa chỉ: 232 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn – ông Trần Thái C trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên vào ngày 04/11/2017 vợ chồng Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L có hỏi mượn tôi số tiền 650.000.000 đồng và hẹn 1 tháng trả. Khi vay vợ chồng ông N và bà L có thể chấp cho tôi chiếc xe ô tô 4 chỗ hiệu Hyundai, biển kiểm soát 47A-118.95. Tuy nhiên đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông N và bà L không chịu trả tiền cho tôi cũng không chịu giao xe cho tôi quản lý và sử dụng.

Tôi xác nhận lại quá trình vay mượn tiền của tôi ông N và bà L đã trả cho tôi được số tiền là 57.000.000 đồng và hiện nay chỉ còn nợ tôi với tổng số tiền là 593.000.000 đồng. Vì vậy, tại phiên tòa sơ thẩm tôi xin thay đổi và rút một phần nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L phải có nghĩa vụ trả lại cho tôi số tiền với tổng số tiền là 593.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với tài sản thế chấp cho tôi chiếc xe ô tô 4 chỗ hiệu Huyndai, biển kiểm soát 47A-118.95. Hiện nay, đã bán để trả nợ cho tôi do đó tôi không yêu cầu Tòa án xem xét.

2. Theo bản tự khai ngày 08/9/2020 bị đơn - bà Trần Thị Mỹ Hồng L:
Vào ngày 04/11/2017 tôi có vay của ông C với số tiền là 650.000.000 đồng vào ngày 12/01/2018 tôi đã trả được 40.000.000 đồng và tới hiện tại tôi đã trả được 17.000.000 đồng tổng cộng số tiền tôi đã trả được cho ông C đến ngày 05/9/2020 là 57.000.000 đồng và còn nợ lại ông châu với số tiền là 593.000.000 đồng khoản nợ này là của chúng tôi và không liên quan đến ai. Do hiện tại gia đình tôi rất khó khăn không có khả năng trả nợ một lần cho ông C nên xin Tòa giúp cho chúng tôi được trả dần theo thu nhập của chúng tôi. Hiện tại tôi còn nuôi 03 đứa con ăn học.

3. Bị đơn Trần Hiếu N: Sau khi thụ lý mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không thể tiến hành thu thập và ghi ý kiến của ông Trần Hiếu N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thái C, buộc bà ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 593.000.000 đồng cho ông Trần Thái C. Bị đơn - phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ

vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án thì vào ngày 04/11/2017 ông Trần Thái C có cho ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L mượn với số tiền là 650.000.000 đồng thời hạn vay tiền là 01 tháng, theo yêu cầu thay đổi nội dung đơn khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm, thì nguyên đơn - ông Trần Thái C yêu cầu Tòa án buộc bị đơn - ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 593.000.000 đồng cho ông Trần Thái C. Do thời hiệu khởi kiện đã hết và ông Trần Thái C không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay và chỉ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn – ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 593.000.000 đồng cho ông Trần Thái C. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về giao dịch dân sự “*Kiện đòi lại tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn – ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L có nơi cư trú tại thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông N và bà L, nhưng ông N và bà L vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như các phiên họp công khai chứng cứ và phiên hòa giải. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn - ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L tại phiên Tòa: ông N và bà L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa ông N và bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt ông N và bà L.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào lời khai nhận của nguyên đơn và tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định: Vào ngày 04/11/2017 vợ chồng ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L có vay của ông Trần Thái C với số tiền là 650.000.000 đồng và hẹn 1 tháng trả và có thế chấp chiếc xe ô tô 4 chỗ hiệu Hyundai, biển kiểm soát 47A-118.95. Quá trình vay thì ông N và bà L đã trả cho ông C với số tiền là 57.000.000 đồng, cụ thể: ngày 12/01/2018 trả 40.000.000 đồng; theo bản sao kê ngày 07/9/2020 thể hiện ngày 10/11/2019 đã trả 2.000.000 đồng, ngày 10/12/2019 đã trả 2.000.000 đồng; theo các giấy nộp tiền và ký nhận tiền ngày

10/10/2019, ngày 10/01/2020, ngày 10/02/2020, ngày 10/3/2020, ngày 10/6/2020, ngày 10/7/2020 và ngày 10/8/2020. Tại phiên tòa sơ thẩm ông C cũng xin thay đổi nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu ông N, bà L chỉ phải trả số tiền là 593.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu xin thay đổi của ông C không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận và có căn cứ xác định hiện nay ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L còn nợ ông Trần Thái C với tổng số tiền là 593.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều cho rằng khi vay có thể chấp chiếc xe ô tô 4 chỗ hiệu Hyundai, biển kiểm soát 47A-118.95. Tuy nhiên, hiện nay đối với chiếc xe này thì bị đơn ông N và bà L và nguyên đơn ông C đều xác nhận chiếc xe ô tô 4 chỗ hiệu Hyundai, biển kiểm soát 47A-118.95 hiện nay không còn và đã bán để trả nợ cho ông C một phần, nên không yêu cầu xem xét giải quyết đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô 4 chỗ hiệu Hyundai, biển kiểm soát 47A-118.95. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải đối với phần tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô 4 chỗ hiệu Hyundai, biển kiểm soát 47A-118.95.

Trong quá trình giải quyết vụ án do ông N và bà L không có mặt tại buổi làm việc của Tòa án nên ông C có đơn yêu cầu giám định chữ ký nên Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký của ông N và bà L trong giấy thế chấp tài sản ngày 04/11/2017 để xác nhận lại chữ ký của ông N và bà L và trong bản kết luận giám định số 67/PC09 ngày 08/7/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: *“1. Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Hiếu N trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Hiếu N trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2. M3 là do cùng một người viết và ký ra; 2. Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị Mỹ Hồng L trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Thị Mỹ Hồng L trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M4, M5. M6 là do cùng một người viết và ký ra”*. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có giao dịch dân sự vay mượn tiền giữa ông C và ông N, bà L xảy ra trên thực tế. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của ông Trần Thái C Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn thay đổi nội dung khởi kiện của C để buộc ông N và bà L phải trả toàn bộ số tiền đã mượn của ông C với số tiền là 593.000.000 đồng.

Về chi phí giám định: Ông Trần Thái C có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L. Kết luận giám định chứng minh yêu cầu của ông C là có căn cứ, vì vậy ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L phải chịu chi phí giám định chữ ký là 5.040.000 đồng.

Ông Trần Thái C không phải chịu chi phí giám định và được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký 5.040.000 đồng sau khi thu lại được của ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L.

[5]. Về án phí:

Căn cứ vào nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn - ông Trần Thái C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, ông C được nhận

lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.140.000 đồng tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Bị đơn - ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 207; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 158; Điều 166; Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu thay đổi nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thái C.

Buộc ông Trần Hiếu N và Trần Thị Mỹ Hồng L phải trả lại toàn bộ số tiền nợ gốc là 593.000.000 đồng cho ông Trần Thái C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L phải chịu chi phí giám định chữ ký là 5.040.000 đồng.

Ông Trần Thái Châu không phải chịu chi phí giám định và được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.040.000 đồng (*năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*) sau khi đã thu lại được từ ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L.

3. Về án phí:

Bị đơn - Ông Trần Hiếu N và bà Trần Thị Mỹ Hồng L phải chịu 27.720.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn - ông Trần Thái C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, ông C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.140.000 đồng tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số AA/2019/0005639 ngày 02/01/2020.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl